

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 47 Ba Cu, Phường 1

Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại tổng hợp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty điều hành Công ty tại ngày 31/12/2012 gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Ngọc Trinh	Chủ tịch
Ông Hoàng Lợi	Thành viên
Ông Vũ Công Trình	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên
Ông Lê Trọng Đạt	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Ngọc Trinh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Ngọc Trinh
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2013

Văn phòng Hà Nội :

P. 1401, Tòa nhà 17T5, Trung Hòa - Nhân Chính, Hà Nội

Tel: (84 4) 6 2811 488

Fax: (84 4) 6 2811 499

E-mail: contact@krestonaca.vn

www.krestonaca.vn

Số: 35/BCKT 2013 – Kreston ACA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu****Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày từ trang 4 đến trang 24 kèm theo.

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Công ty đã tiến hành trích lập quỹ dự phòng tài chính đối với các khoản phải thu với tỷ lệ 5% trên lợi nhuận sau thuế theo Điều lệ hoạt động của Công ty. Việc trích lập này chưa phù hợp theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

Các chi phí liên quan đến công trình Dự án Silver Sea Tower đang được tập hợp trên khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" với số dư tại ngày 31/12/2012 là 191 tỷ đồng. Tại thời điểm lập Báo cáo này, do công trình đang trong giai đoạn hoàn thành chưa được quyết toán nên Ban Giám đốc Công ty chưa xác định được chính xác giá thành công trình. Ngoài ra, trong năm 2012, Công ty đã kết chuyển một phần sản phẩm văn phòng đã được Công ty đưa vào sử dụng và các trang thiết bị kèm theo vào khoản mục "Tài sản cố định". Giá trị của sản phẩm văn phòng được đưa vào sử dụng và các trang thiết bị cũng đang được xác định trên cơ sở tạm tính. Chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá trị của các khoản mục nói trên và ảnh hưởng nếu có của chúng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Công ty đang tiến hành hạch toán doanh thu và giá vốn đối với công trình "Gói thầu số 9: Đoạn từ Dương Đông đến Bãi Thơm thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường trục Nam - Bắc đảo Phú Quốc" dựa trên cơ sở ước tính do công trình đang trong giai đoạn dở dang. Việc ước tính như trên là chưa phù hợp theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng. Chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá trị của các khoản mục nói trên và ảnh hưởng nếu có của chúng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)

Tại thời điểm ngày 31/12/2012, Công ty TNHH Rau tươi Phước Lộc, Nhà máy chế biến rau sạch Lâm Đồng vẫn đang trong giai đoạn tạm ngưng hoạt động và đang tiến hành chào bán thiết bị tài sản, Công ty Cổ phần thực phẩm suất ăn công nghiệp và dịch vụ tổng hợp Phước Lộc kinh doanh không hiệu quả và đang chờ bán cho các đối tác khác. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng việc thu hồi các khoản đầu tư nói trên và không tiến hành trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) đến Báo cáo tài chính vì những lý do nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Không phủ định ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính tới Thuyết minh số V.17.4. Theo đó, trong năm 2012, Ban Giám đốc Công ty đã tiến hành trích tạm các quỹ theo tỷ lệ được quy định tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 21/03/2012 dựa trên lợi nhuận sau thuế của năm 2012 trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán kèm theo. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế của năm 2012 sẽ tùy thuộc vào việc phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông trong năm 2013.



Chu Quang Tùng
 Phó Tổng Giám đốc
 Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1022/KTV

Trần Đức Cường
 Kiểm toán viên
 Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1595/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN KRESTON ACA VIỆT NAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International
 Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		254.185.995.747	235.029.213.219
110	Tiền và các khoản tương đương tiền		1.972.637.191	344.963.413
111	Tiền	V.1	1.972.637.191	344.963.413
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		51.378.141.968	62.390.657.035
131	Phải thu khách hàng		33.457.753.957	37.107.395.399
132	Trả trước cho người bán		16.970.188.874	23.511.405.896
133	Phải thu nội bộ ngắn hạn		393.471.259	393.471.259
135	Các khoản phải thu khác	V.2	896.727.878	1.718.384.481
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.3	(340.000.000)	(340.000.000)
140	Hàng tồn kho	V.4	198.227.679.285	169.126.973.991
141	Hàng tồn kho		198.227.679.285	169.126.973.991
150	Tài sản ngắn hạn khác		2.607.537.303	3.166.618.780
154	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		17.281.322	-
158	Tài sản ngắn hạn khác	V.5	2.590.255.981	3.166.618.780
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		40.566.348.535	22.318.039.274
210	Các khoản phải thu dài hạn		551.858.893	551.858.893
213	Phải thu dài hạn nội bộ		551.858.893	551.858.893
220	Tài sản cố định		22.588.704.437	8.038.996.176
221	Tài sản cố định hữu hình	V.6	21.306.844.747	6.137.686.005
222	Nguyên giá		25.835.293.692	9.693.776.659
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.528.448.945)	(3.556.090.654)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.7	1.281.859.690	1.901.310.171
240	Bất động sản đầu tư	V.8	8.680.073.278	3.353.872.278
241	Nguyên giá		9.262.417.500	3.936.216.500
242	Giá trị hao mòn lũy kế		(582.344.222)	(582.344.222)
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		7.745.711.927	9.373.311.927
252	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	V.9	4.893.411.927	4.893.411.927
258	Đầu tư dài hạn khác	V.10	2.852.300.000	4.479.900.000
260	Tài sản dài hạn khác		1.000.000.000	1.000.000.000
268	Tài sản dài hạn khác		1.000.000.000	1.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		294.752.344.282	257.347.252.493

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	NỢ PHẢI TRẢ		262.623.393.018	224.093.202.000
310	Nợ ngắn hạn		144.667.601.258	119.921.510.240
311	Vay và nợ ngắn hạn	V.11	64.957.796.836	74.880.723.573
312	Phải trả người bán		19.867.078.525	3.803.654.251
313	Người mua trả tiền trước		22.859.552.325	14.067.073.602
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	9.131.059.831	6.272.064.761
315	Phải trả người lao động		126.820.310	340.967.846
316	Chi phí phải trả	V.13	20.790.878.917	17.673.591.507
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.14	5.485.241.577	1.635.421.207
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.449.172.937	1.248.013.493
330	Nợ dài hạn		117.955.791.760	104.171.691.760
333	Phải trả dài hạn khác	V.15	2.980.093.911	4.172.593.911
334	Vay và nợ dài hạn	V.16	114.975.697.849	99.999.097.849
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		32.128.951.264	33.254.050.493
410	Vốn chủ sở hữu	V.17	32.128.951.264	33.254.050.493
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		27.191.960.000	27.191.960.000
418	Quỹ dự phòng tài chính		340.697.513	-
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.596.293.751	6.062.090.493
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		294.752.344.282	257.347.252.493

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Nợ khó đòi đã xử lý		948.722.000	-
2	Ngoại tệ các loại USD		390,22	374,30



Trần Ngọc Trinh
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Lan
Kế toán trưởng

Ngày 08 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		135.735.582.148	145.192.467.055
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	VI.1	135.735.582.148	145.192.467.055
11	Giá vốn hàng bán		109.058.215.206	125.418.576.457
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		26.677.366.942	19.773.890.598
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.2	1.204.752.030	8.913.123.106
22	Chi phí tài chính	VI.3	7.149.459.124	7.534.129.959
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		7.087.761.220	7.426.692.238
24	Chi phí bán hàng		-	-
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	12.084.793.425	10.676.629.244
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		8.647.866.423	10.476.254.501
31	Thu nhập khác		183.450.000	250.505.476
32	Chi phí khác		-	74.691.384
40	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		183.450.000	175.814.092
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		8.831.316.423	10.652.068.593
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.5	2.017.366.159	2.444.417.834
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		6.813.950.264	8.207.650.759



Trần Ngọc Trinh
 Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Lan
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Lợi nhuận trước thuế	8.831.316.423	10.652.068.593
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao TSCĐ	1.202.962.791	827.307.746
05	Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	(1.188.893.208)	(1.601.393.274)
06	Chi phí lãi vay	7.087.761.220	7.426.692.238
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	15.933.147.226	17.304.675.303
09	Tăng giảm các khoản phải thu	11.571.596.544	(8.569.963.087)
10	Tăng giảm hàng tồn kho	(26.073.679.982)	(133.359.949.833)
11	Tăng giảm các khoản phải trả	13.918.558.304	(1.111.136.600)
	(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		
13	Tiền lãi vay đã trả	(7.087.761.220)	(7.426.692.238)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(145.557.352)	(446.344.588)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(2.722.682.845)	(1.309.990.863)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	5.393.620.675	(134.919.401.906)
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(6.405.897.364)	(909.459.270)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.494.401.208	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	129.592.000	1.044.923.111
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(4.781.904.156)	135.463.841
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	103.547.882.333	252.801.472.557
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(98.494.209.070)	(116.503.960.606)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(4.037.716.004)	(2.105.984.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	1.015.957.259	134.191.527.951
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	1.627.673.778	(592.410.114)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	344.963.413	937.373.527
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	1.972.637.191	344.963.413



Trần Ngọc Trinh
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Lan
Kế toán trưởng

Ngày 08 tháng 3 năm 2013